SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI LUẬT THƯƠNG MẠI VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT THƯƠNG MẠI NĂM 2005

*Trần Thị Bạch Dương**

Ngày 10 tháng 5 năm 1997 Luật Thương mại (Luật Thương mại 1997) đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua. Luật Thương mại 1997 là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao quy định thống nhất về hoạt động thương mại trên lãnh thổ Việt Nam. Qua hơn 6 năm thực hiện, Luật Thương mại 1997 đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống kinh tế – xã hội của Việt Nam, từng bước đưa hoạt động thương mại vào nề nếp, khuyến khích và phát triển hoạt động thương mại hợp pháp, ngăn chặn và xử lý hành vi bất hợp pháp gây ảnh hưởng xấu đến môi trường thương mại. Nhờ việc thi hành Luật Thương mại với quan điểm khẳng định và tôn trọng quyền tự do kinh doanh của thương nhân, phù hợp với quá trình phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hoạt động thương mại ngày càng phát triển đa dạng, số lượng thương nhân tham gia hoạt động thương mại không ngừng tăng lên, các quy định hạn chế không hợp lý trong hoạt động thương mại đã bị bãi bỏ và được thay thế bằng các chế định phù hợp, thuận lợi hơn. Ngoài ra, Luật Thương mại 1997 cũng đã trở thành một cơ sở pháp lý quan trọng cho việc phát triển quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều thay đổi lớn: nền kinh tế thị trường ngày càng được hình thành đồng bộ và rõ nét; quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng đã ngày càng đi vào thực chất và đặt ra những yêu cầu mới. Cùng với sự phát triển của bối cảnh kinh tế, hệ thống pháp luật Việt Nam cũng đã thay đổi đáng kể, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành và nhiều văn bản đã và sẽ được bãi bỏ. Do đó, cần phải sửa đổi, bổ sung Luật Thương mại 1997 cho phù hợp với tình hình mới, nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của hội nhập kinh tế quốc tế; để khắc phục những nội dung bất cập, chưa đi vào cuộc sống của Luật Thương mại; để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về thương mại và khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn với các quy định khác của pháp luật trong nước và để phù hợp với thực tiễn phát triển của hoạt động thương mại tại Việt Nam. Trong thời gian qua, Ban soạn thảo Luật Thương mại (sửa đổi) đã nghiên cứu và chuẩn bị khá kỹ lưỡng và đã quán triệt tốt những nguyên tắc và yêu cầu khách quan của đời sống kinh tế và pháp lý.

Dựa trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn thực hiện Luật Thương mại trong những năm qua và kinh nghiệm quốc tế về điều chỉnh pháp luật thương mại, Ban soạn thảo đã cố gắng thể hiện sự đổi mới, khắc phục những bất cập, yếu kém của Luật Thương mại 1997 và đã được thể hiện vào Luật Thương mại.

Ngày 14 tháng 6 năm 2005 tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khoá XI của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã biểu quyết thông qua Dự án Luật Thương mại (sửa đổi) được gọi là Luật Thương mại và Luật Thương mại sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

Trong quá trình soạn thảo Luật Thương mại, Ban soạn thảo đã quán triệt sâu sắc các nguyên tắc chỉ đạo sau đây:

1. Bảo đảm thể chế hóa đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc phát

* Thạc sỹ Luật học, Vụ Pháp chế, Bộ Thương mại, Thành viên Tổ biên tập Luật Thương mại (sửa đổi)

triển nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó xây dựng chính sách, pháp luật thương mại tạo điều kiện phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ là vấn đề trọng tâm.

2. Tôn trọng và phát huy quyền tự do hoạt động thương mại;

3. Phù hợp với các nguyên tắc của Bộ luật Dân sự, trong đó nguyên tắc tôn trọng tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận được xác định là nền tảng của hoạt động thương mại;

4. Phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành về thương mại, trong đó Luật Thương mại có vai trò trọng tâm, cơ bản;

5. Bảo đảm sự phù hợp với các Điều ước quốc tế về thương mại mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập và pháp luật, tập quán thương mại quốc tế;

6. Bảo đảm công tác quản lý nhà nước về thương mại chặt chẽ, có hiệu quả nhưng không gây cản trở cho hoạt động thương mại hợp pháp trên thị trường.

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT THƯƠNG MẠI

Trong quá trình nghiên cứu sửa đổi Luật Thương mại, nhiều nhà khoa học đều nhận thức rằng, "Luật Thương mại (sửa đổi) không có tham vọng trở thành một Bộ Luật đồ sộ, thống nhất, điều chỉnh mọi vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động thương mại như các Bộ Luật của các quốc gia trên thế giới được ban hành từ xa xưa. Điều này là phù hợp với bối cảnh của Việt Nam hiện nay cũng như xu hướng làm luật của các quốc gia thời hiện đại" và "Luật Thương mại không có nhu cầu và khả năng (ít nhất là vào lúc này) thâu tóm tất cả các văn bản pháp luật mà chỉ có thể và cần phải thâu tóm và thống nhất những tư tưởng và quan điểm chung nhất về thương mại[1]". Do đó, Luật Thương mại lần này đã sửa đổi căn bản so với Luật Thương mại năm 1997.

Thứ nhất, Luật Thương mại điều chỉnh hoạt động thương mại được thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 1). Khái niệm "hoạt động thương mại" trong dự thảo Luật được hiểu theo nghĩa rộng là các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác. Việc mở rộng khái niệm hoạt động thương mại như Dự thảo Luật là phù hợp với khái niệm chung của quốc tế (cụ thể là khái niệm của UNCITRAL) và phù hợp với Pháp lệnh Trọng tài Thương mại năm 2003.

Ngoài ra, Luật này cũng áp dụng đối với hoạt động không nhằm mục đích sinh lợi của một bên không phải là thương nhân (trong quan hệ giữa một bên là thương nhân và bên kia không phải là thương nhân, ví dụ giữa thương nhân bán hàng hoá và người tiêu dùng), khi bên không phải là thương nhân (bên thực hiện hoạt động không nhằm mục đích sinh lợi) chọn áp dụng Luật.

Trong trường hợp hoạt động thương mại thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam thì Luật này được áp dụng khi các bên thỏa thuận chọn áp dụng Luật này hoặc luật nước ngoài, điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định áp dụng Luật này.

Thứ hai, đối tượng áp dụng(Điều 2) của Luật Thương mại được xác định là thương nhân hoạt động thương mại trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định ở Điều 1, bao gồm cả thương nhân Việt Nam và thương nhân nước ngoài hoạt động thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và trong trường hợp hoạt động thương mại thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam thì Luật Thương mại chỉ áp dụng khi các bên thoả thuận chọn áp dụng Luật này hoặc luật nước ngoài, điều ước quốc tế có quy định chọn áp dụng luật này. Luật Thương mại áp dụng cho những đối tượng không phải là thương nhân trong trường hợp những người đó chọn áp dụng luật này. Ngoài ra, Luật Thương mại còn áp dụng đối với tổ chức, cá nhân khác hoạt động có liên quan đến thương mại (cơ quan nhà nước mua sắm

[1] Xem: Nguyễn Như Phát, Góp ý luật Thương mại sửa đổi, Tham luận tại Hội thảo tại VCCI, 8.12.2004.

hàng hoá, trang thiết bị, sử dụng dịch vụ...) và giao cho Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng Luật đối với cá nhân (được hiểu là những người buôn bán nhỏ) hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh.

Khái niệm thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh. Đăng ký kinh doanh là một nghĩa vụ bắt buộc của thương nhân nhưng Luật còn quy định cả trường hợp thương nhân chưa đăng ký kinh doanh (thương nhân thực tế vì một lý do nào đó, kể cả chưa kịp đăng ký kinh doanh...) thì thương nhân đó vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình theo quy định của Luật Thương mại và quy định khác của pháp luật. Thương nhân có quyền hoạt động thương mại trong các ngành nghề, tại các địa bàn mà pháp luật không cấm và quyền hoạt động thương mại hợp pháp thì được nhà nước bảo hộ.

II. MỐI QUAN HỆ GIỮA LUẬT THƯƠNG MẠI VÀ CÁC LUẬT KHÁC CÓ LIÊN QUAN

Trong thực tiễn quan hệ xã hội luôn luôn phát triển và các văn bản quy phạm pháp luật cũng luôn phải điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn đó. Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh những quan hệ phát sinh từ thực tiễn, không một quốc gia nào trên thế giới tránh khỏi trong hệ thống pháp luật của mình có những văn bản mà nội dung của chúng là khác nhau. Vì vậy, thực hiện nguyên tắc áp dụng pháp luật sẽ làm cho hệ thống pháp luật có tính thống nhất cao hơn. Trên thế giới, các nguyên tắc áp dụng luật để hạn chế xung đột luật là tương đối thống nhất. Quan hệ luật chung và luật riêng (như quy định tại Điều 4) là nguyên tắc quan trọng của Luật La mã và được áp dụng tại hầu hết các nước, nhất là các nước theo hệ thống Luật La mã- Đức (tức là hệ thống luật thành văn giống với hệ thống luật của nước ta). Do đó, Điều 4 của Luật Thương mại đã thiết kế thành 3 khoản và đã thừa nhận sự khác nhau giữa các văn bản pháp luật và có nguyên tắc áp dụng là mọi hoạt động thương mại phải tuân theo Luật Thương mại và pháp luật khác có liên quan ; hoạt động thương mại đặc thù được quy định trong luật khác (luật chuyên ngành về thương mại) thì áp dụng quy định của luật đó và hoạt động thương mại không được quy định trong Luật Thương mại và trong các luật khác (luật chuyên ngành) thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự.

Quan điểm về nguyên tắc áp dụng Luật đã được quy định rõ tại Điều 4, theo đó đối với một hoạt động thương mại cụ thể thì luật điều chỉnh được ưu tiên trước hết là luật chuyên ngành, tức là đạo luật điều chỉnh sát nhất với hoạt động thương mại đó. Nếu luật chuyên ngành không có quy định thì sẽ áp dụng các quy định của Luật Thương mại. Trường hợp luật chuyên ngành và Luật Thương mại đều không có quy định thì sẽ áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự. Quan điểm áp dụng luật này là phù hợp với nguyên tắc giải quyết mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, cái phổ biến và cái đặc thù (Bộ luật Dân sự điều chỉnh và áp dụng phổ biến trong quan hệ dân sự; hoạt động thương mại là hoạt động dân sự có tính đặc thù thì áp dụng Luật Thương mại...) và nguyên tắc áp dụng luật được các nước áp dụng như đã trình bày ở trên.

Để tránh trùng lặp, Luật Thương mại đã đặt ra và bước đầu giải quyết khá rõ về vai trò và vị trí của đạo luật này trong hệ thống pháp luật trên tinh thần hình thành sự thống nhất của hệ thống pháp luật trong quá trình thi hành. Luật Thương mại cũng đã làm rõ nguyên tắc áp dụng pháp luật thương mại trong bối cảnh có sự tồn tại của Bộ luật Dân sự và các luật chuyên ngành về thương mại, cụ thể là:

+ Bộ luật Dân sự được coi là luật chung (Lex Generalis) và Luật Thương mại được coi là luật chuyên ngành (Lex Specialis) trong quan hệ với Bộ luật Dân sự khi sử dụng pháp luật để xem xét các hiện tượng pháp lý trong thực tiễn hoạt động thương mại;

+ Cũng theo nguyên tắc đó, Luật Thương mại lại trở thành luật chung trong

quan hệ với các luật chuyên ngành, như Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bảo hiểm...Vì vậy, Luật Thương mại được áp dụng sau các văn bản pháp luật thương mại chuyên ngành.

Quan điểm này đã được thể hiện tại Điều 4 sẽ tạo nên sự thống nhất giữa Luật Thương mại và hệ thống các văn bản pháp luật khác của Việt Nam có liên quan đến hoạt động thương mại như Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, pháp luật về sở hữu trí tuệ... đồng thời cũng tạo nên sự tương thích với pháp luật quốc tế về thương mại, theo đó "hoạt động thương mại" theo pháp luật của Việt Nam nói chung và trong Luật Thương mại nói riêng được hiểu theo nghĩa rộng là bao gồm tất cả các hoạt động nhằm mục đích sinh lời. Theo đó, văn bản Luật Thương mại chỉ là một bộ phận của hệ thống pháp luật thương mại.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI SỬA ĐỔI TRONG LUẬT THƯƠNG MẠI

Luật Thương mại có rất nhiều thay đổi căn bản so với Luật Thương mại 1997. Phạm vi điều chỉnh của Luật Thương mại được mở rộng phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế, theo hướng Luật Thương mại xác định hoạt động thương mại theo nghĩa rộng và đưa ra các quy định khung cho các hoạt động này.

Khái niệm "hàng hóa" trong Luật Thương mại đã có sự thay đổi cơ bản so với khái niệm được nêu trong Luật Thương mại 1997, bao gồm: tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai (ví dụ như động vật chưa sinh, nông sản chưa thu hoạch); những vật gắn liền với đất đai (kể cả các công trình). Ngoài ra, Luật Thương mại cũng bổ sung thêm khái niệm "thông điệp dữ liệu" để cùng với các quy định có liên quan tại các phần sau tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các hoạt động thương mại thông qua phương tiện điện tử (thương mại điện tử) để đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay.

Bố cục của Luật cũng có sự thay đổi lớn so với Luật Thương mại 1997 với việc bổ sung 4 chương là: Chương II: Mua bán hàng hóa (trên cơ sở sửa đổi, hoàn chỉnh các quy định về mua bán hàng hóa trong Luật Thương mại 1997); chương III: Cung ứng dịch vụ (bổ sung mới) nhằm xây dựng khung pháp lý chung điều chỉnh thương mại hàng hoá và thương mại dịch vụ. Chương IV: Xúc tiến thương mại gồm có 4 mục, quy định về hoạt động khuyến mại; trưng bày giới thiệu hàng hóa, dịch vụ; hội chợ, triển lãm thương mại và Chương V: Các hoạt động trung gian thương mại bao gồm 4 mục, quy định về đại diện cho thương nhân; môi giới thương mại; ủy thác mua bán hàng hóa; đại lý thương mại. Việc bổ sung 2 chương "Xúc tiến thương mại" và "Các hoạt động trung gian thương mại" góp phần quy định đầy đủ, chi tiết hơn về các hoạt động thương mại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và tập quán quốc tế. Đối với các hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động thương mại gắn liền và phục vụ trực tiếp cho mua bán hàng hóa, dự thảo Luật đưa ra những quy định cụ thể. Những hoạt động thương mại khác sẽ được các luật chuyên ngành quy định chi tiết.

Luật Thương mại gồm 9 Chương, 324 Điều (Luật Thương mại 1997 có 6 Chương, 264 Điều). Trong đó có 96 điều trong Luật cũ được bãi bỏ, 149 điều được sửa đổi và 143 điều được bổ sung mới và gồm:

- Chương I: Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 23).
- Chương II: Mua bán hàng hóa (từ Điều 24 đến Điều 73).
- Chương III: Cung ứng dịch vụ (từ Điều 74 đến Điều 87).
- Chương IV. Xúc tiến thương mại (từ Điều 88 đến Điều 140)
- Chương V. Các hoạt động trung gian thương mại (từ Điều 141 đến Điều 177)
- Chương VI. Một số hoạt động thương mại cụ thể khác (từ Điều 178 đến Điều 291)
- Chương VII. Chế tài trong thương mại và giải quyết tranh chấp trong thương mại (từ Điều 292 đến Điều 322)
- Chương VIII. Xử lý vi phạm pháp luật về thương mại (từ Điều 320 đến Điều 322)

- Chương IX. Điều khoản thi hành (Điều 323 và Điều 324)

Luật Thương mại đã bổ sung bốn hoạt động thương mại mới bao gồm: Mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa; quá cảnh hàng hóa qua lãnh thổ Việt Nam và dịch vụ quá cảnh hàng hóa; cho thuê hàng hóa và nhượng quyền thương mại. Các hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch; cho thuê hàng hóa và nhượng quyền thương mại được bổ sung vào Luật Thương mại là nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Việc bổ sung các quy định về quá cảnh hàng hóa nhằm thể hiện rõ hơn những nguyên tắc cơ bản liên quan đến quyền tự do quá cảnh của WTO.

Thứ nhất, Mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa (Chương II, Mục 3) là một hoạt động phổ biến trong thực tiễn thương mại quốc tế nhằm bảo hiểm các rủi ro do cho các biến động về giá cả trên thị trường. Vì vậy, hoạt động này có tác động tích cực đến hoạt động mua bán những hàng hóa mà giá cả thường có những biến động lớn, nhằm thúc đẩy việc hình thành và phát triển thị trường buôn bán nông sản một cách ổn định.

Trong thực tiễn thương mại Việt Nam hiện nay, nhu cầu của việc thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa đã bắt đầu xuất hiện do đó cần phải có quy định của pháp luật điều chỉnh. Tuy nhiên, đây là một hoạt động mới, có tính chất tương đối phức tạp nên việc xây dựng pháp luật cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng. Các quy định về hoạt động này trong Luật chỉ mới dừng ở mức đưa ra những quy định khung, những quy định cụ thể sẽ được Chính phủ ban hành phù hợp với điều kiện thực tế.

Thứ hai, Quá cảnh hàng hóa qua lãnh thổ Việt Nam và dịch vụ quá cảnh hàng hóa (Chương VI, Mục 5). Đây là một hoạt động thương mại mới được bổ sung vào Luật Thương mại trên cơ sở luật hóa những quy định về quá cảnh hàng hóa hiện hành và phù hợp với nguyên tắc của WTO (Điều 5 GATT 1994). Một số quy định cơ bản trong dự thảo Luật gồm:

1. Khẳng định quyền tự do quá cảnh trong hoạt động thương mại quốc tế.

2. Đưa ra một số quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc cung ứng dịch vụ quá cảnh hàng hoá.

3. Quy định một số vấn đề liên quan đến quá cảnh như hàng hóa quá cảnh, tuyến đường quá cảnh, thời gian và thủ tục quá cảnh phù hợp với các điều ước quốc tế và thực tiễn của Việt Nam. Trên cơ sở những quy định này, Chính phủ sẽ ban hành những quy định cụ thể.

Thứ ba, Cho thuê hàng hóa (Chương VI, Mục 7). Thực tế hoạt động thương mại hiện nay cho thấy, cho thuê hàng hóa là một hoạt động diễn ra ngày càng phổ biến nhưng pháp luật thương mại hiện hành lại chưa có quy định cụ thể điều chỉnh với tính chất là một hoạt động thương mại. Bộ luật Dân sự cũng chỉ đưa ra những quy định chung về hợp đồng cho thuê tài sản và chưa đủ để điều chỉnh hoạt động cho thuê hàng hóa trên thị trường, đặc biệt là việc quy định hợp đồng cho thuê tài sản trong Bộ luật Dân sự cũng không phù hợp do quan điểm Bộ luật Dân sự sẽ quy định những vấn đề chung về hợp đồng còn những hợp đồng trong từng lĩnh vực cụ thể sẽ do luật chuyên ngành điều chỉnh.

Do đó, Luật Thương mại đã bổ sung quy định về hoạt động cho thuê hàng hóa với 15 điều. Những quy định này được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo pháp luật của Hoa Kỳ tại Bộ luật Thương mại thống nhất Hoa Kỳ (UCC), pháp luật của Trung quốc tại Luật Hợp đồng Trung Quốc. Đây là những quy định được đánh giá là khá chuẩn mực về hoạt động thương mại này.

Thứ tư, Nhượng quyền thương mại (Chương VI, Mục 8) Đây là một hoạt động thương mại phổ biến ở các nước nhưng vẫn còn mới ở Việt Nam. Trong các cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường phân phối bao gồm cả hoạt động này. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện nay chưa có quy định cụ thể để điều chỉnh. Luật Thương mại đã bổ sung 8 điều quy định về nhượng quyền thương mại để làm cơ sở pháp lý chung cho

việc thực hiện hoạt động thương mại này ở Việt Nam với quan điểm khuyến khích phát triển hoạt động thương mại này, đồng thời bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Trước khi bắt đầu nhượng quyền thương mại, bên dự kiến nhượng quyền phải đăng ký với Bộ Thương mại.

Một trong những cố gắng rõ nét của Ban soạn thảo Luật Thương mại là đã đặt Dự luật vào trong bối cảnh của sự hoàn thiện hệ thống pháp luật thống nhất của đất nước, với Bộ luật Dân sự là luật gốc đồng thời với sự tồn tại của các luật chuyên ngành khác; đây là điều mà không phải lúc nào trong quá trình xây dựng pháp luật ở nước ta cũng được quan tâm chú ý một cách đúng mức. Một thành công khác rất đáng phấn khởi là Luật Thương mại lần này đã đưa chúng ta tiến gần thêm một bước trong việc tiếp cận với thông lệ quốc tế, và điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với quá trình hội nhập và phát triển của đất nước.

(Tiếp theo trang 20 – Nhân dân – chủ thể...)

b) Nhân dân tự tổ chức việc xây dựng các hương ước, quy ước ở cộng đồng;

c) Nhân dân kiến nghị việc ban hành, sửa đổi các văn bản pháp luật;

d) Nhân dân tham gia ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật của Nhà nước;

đ) Nhân dân soạn thảo và đề xuất ra các dự án pháp luật gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Nhân dân quyết định việc thông qua các văn bản pháp luật dưới hình thức trưng cầu ý dân...

Tuỳ từng trường hợp mà chúng ta có thể vận dụng hình thức thích hợp. Trong đó, trưng cầu ý dân là phương thức để nhân dân thực hiện quyền lập pháp dân chủ nhất, phổ biến nhất mà nhân loại tiến bộ đang hướng tới. Thực tiễn về trưng cầu ý dân mà những nước trên thế giới đã và đang thực hiện trong một số lĩnh vực không chỉ cho ta thấy cái xu thế tất yếu đó đã và đang trở thành hiện thực mà còn là những kinh nghiệm quý báu cho những nước như chúng ta.

Với xu thế phát huy dân chủ và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân như hiện nay, hy vọng rằng không xa nữa, ở nước ta mọi người dân có quyền nói "**không**" hay "**có**" đối với mọi vấn đề quan trọng của đất nước mình, của địa phương mình, trong đó có các đạo luật, thậm chí là Hiến pháp; và, quyết định đó sẽ là quyết định cuối cùng. Đã đến lúc chúng ta phấn đấu cho một xã hội "***dân biết, dân bàn, dân quyết, dân làm, dân kiểm tra***".